



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM**  
**SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY (AASCS)**

Địa chỉ : 29 Võ Thị Sáu – Quận 1 - TP.HCM

Điện thoại : (08) 38205944

Fax : (08) 38205942

Address : 29 Vo Thi Sau – Dist 1 - HCMC

Telephone : (08) 38205944

Fax : (08) 38205942

Số : 29A./CV-AASCS

Ngày : 02/05/2014

Người nhận : - CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT VÀ VI SINH (BICICO)  
- CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Người gửi : CÔNG TY KIỂM TOÁN AASCS

**Về việc : Điều chỉnh Báo cáo kiểm toán số 116/BCKT-TC ngày 17/03/2014  
về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**

- Căn cứ Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 giữa Công ty CP Công nghiệp Hoá chất và Vi sinh (Bicico) với Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS);
- Căn cứ Báo cáo kiểm toán số 116/BCKT-TC ngày 17/03/2014 về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Công ty Kiểm toán AASCS bổ sung các chỉ tiêu trong Thuyết minh Báo cáo tài chính trên Báo cáo kiểm toán số 116/BCKT-TC ngày 17/03/2014 như sau:

- Bổ sung thuyết minh về Công cụ tài chính (đính kèm).
- Những thông tin khác: bổ sung Thông tin về các bên liên quan và Báo cáo bộ phận (đính kèm).

Văn bản điều chỉnh này được đính kèm với Báo cáo kiểm toán số 116/BCKT-TC ngày 17/03/2014 về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty CP Công nghiệp Hoá chất và Vi sinh (Bicico).

Trân trọng kính chào,



**PHÙNG NGỌC TOÀN - CPA**  
Phó Tổng Giám đốc

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày 17 Tháng 11 Năm 2014



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Phùng Ngọc Toàn*

**CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****1. Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**2. Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 02.

**3. Các loại công cụ tài chính**

|                                      | Giá trị ghi sổ        |                       |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                      | 31/12/2013            | 31/12/2012            |
|                                      | VND                   | VND                   |
| <b>Tài sản tài chính</b>             |                       |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 26.431.130.362        | 37.977.167.799        |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 16.579.141.420        | 18.896.197.768        |
| Đầu tư ngắn hạn                      | 27.021.086.667        | 23.918.783.006        |
| Đầu tư dài hạn                       | -                     | -                     |
| Tài sản tài chính khác               | -                     | -                     |
| <b>Tổng cộng</b>                     | <b>70.031.358.449</b> | <b>80.792.148.573</b> |
| <b>Công nợ tài chính</b>             |                       |                       |
| Các khoản vay                        | -                     | -                     |
| Phải trả người bán và phải trả khác  | 7.457.434.173         | 8.116.228.852         |
| Chi phí phải trả                     | 77.999.999            | 502.274.995           |
| <b>Tổng cộng</b>                     | <b>7.535.434.172</b>  | <b>8.618.503.847</b>  |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**4. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**5. Quản lý rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.



*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như

|                | Công nợ    |            | Tài sản    |            |
|----------------|------------|------------|------------|------------|
|                | 31/12/2013 | 31/12/2012 | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|                | VND        | VND        | VND        | VND        |
| Đô la Mỹ (USD) | -          | -          | -          | -          |
| Euro (EUR)     | -          | -          | -          | -          |

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**6. Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

**7. Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

|                                     | Dưới 1 năm<br>VND    | Trên 1 năm<br>VND  | Tổng cộng<br>VND     |
|-------------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| <b>31/12/2013</b>                   |                      |                    |                      |
| Các khoản vay                       | -                    | -                  | -                    |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 7.271.434.173        | 186.000.000        | 7.457.434.173        |
| Chi phí phải trả                    | 77.999.999           | -                  | 77.999.999           |
| <b>Tổng cộng</b>                    | <b>7.349.434.172</b> | <b>186.000.000</b> | <b>7.535.434.172</b> |

**31/12/2012**

|                                     |               |             |               |
|-------------------------------------|---------------|-------------|---------------|
| Các khoản vay                       | -             | -           | -             |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 7.930.228.852 | 186.000.000 | 8.116.228.852 |
| Chi phí phải trả                    | 502.274.995   | -           | 502.274.995   |

|                  |                      |                    |                      |
|------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| <b>Tổng cộng</b> | <b>8.432.503.847</b> | <b>186.000.000</b> | <b>8.618.503.847</b> |
|------------------|----------------------|--------------------|----------------------|

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

|                                      | <b>Dưới 1 năm<br/>VND</b> | <b>Trên 1 năm<br/>VND</b> | <b>Tổng cộng<br/>VND</b> |
|--------------------------------------|---------------------------|---------------------------|--------------------------|
| <b>31/12/2013</b>                    |                           |                           |                          |
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 26.431.130.362            | -                         | 26.431.130.362           |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 16.579.141.420            | -                         | 16.579.141.420           |
| Đầu tư ngắn hạn                      | 27.021.086.667            | -                         | 27.021.086.667           |
| Đầu tư dài hạn                       | -                         | -                         | -                        |
| Tài sản tài chính khác               | -                         | -                         | -                        |
| <b>Tổng cộng</b>                     | <b>70.031.358.449</b>     | <b>-</b>                  | <b>70.031.358.449</b>    |

**31/12/2012**

|                                      |                |   |                |
|--------------------------------------|----------------|---|----------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền   | 37.977.167.799 | - | 37.977.167.799 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 18.896.197.768 | - | 18.896.197.768 |
| Đầu tư ngắn hạn                      | 23.918.783.006 | - | 23.918.783.006 |
| Đầu tư dài hạn                       | -              | - | -              |
| Tài sản tài chính khác               | -              | - | -              |

|                  |                       |          |                       |
|------------------|-----------------------|----------|-----------------------|
| <b>Tổng cộng</b> | <b>80.792.148.573</b> | <b>-</b> | <b>80.792.148.573</b> |
|------------------|-----------------------|----------|-----------------------|



**Thông tin về các bên liên quan**

| a) Các bên liên quan                  | Mối quan hệ | Sở hữu vốn |
|---------------------------------------|-------------|------------|
| Tập đoàn Hoá chất Việt Nam (Vinachem) | Công ty mẹ  | 51,00%     |

b) Trong năm Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

| Bên liên quan                         | Giao dịch          | Giá trị giao dịch<br>(VND) |
|---------------------------------------|--------------------|----------------------------|
| Tập đoàn Hoá chất Việt Nam (Vinachem) | <i>Chia cổ tức</i> | 1.666.120.000              |

c) Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

|            |   |
|------------|---|
| - Phải thu | - |
| - Phải trả | - |

**Báo cáo bộ phận***Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh*

Hiện tại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào một nhóm sản phẩm bao bì, sơn tổng hợp và gia công, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

*Báo cáo theo khu vực địa lý*

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Tổng Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Số : 116/2014/CV/AVINA-IAFC  
Ngày : 17/11/2014  
Người nhận : Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi Sinh  
: Các bên có liên quan  
Người gửi : Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC  
Về việc : Điều chỉnh lại Báo cáo Kiểm toán số 061/2013/BCKT/TC ngày 09 tháng 7 năm 2013 về BCTC năm 2012 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh

- Căn cứ Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 giữa Công ty Cổ phần Công nghiệp và Hóa chất Vi sinh với Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC;
- Căn cứ vào Báo cáo kiểm toán số 061/2013/BCKT/TC phát hành ngày 09 tháng 7 năm 2013 về BCTC năm 2012 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh.

Công ty TNHH Tư vấn thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC phát hành bổ sung Thuyết minh Báo cáo tài chính số 24 Những thông tin khác trên Báo cáo Kiểm toán số 061/2013/BCKT/TC ngày 09 tháng 7 năm 2013 về BCTC năm 2012 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh như sau:

- ✓ Bổ sung thuyết minh số 24.3 về Công cụ tài chính (đính kèm).
- ✓ Bổ sung thuyết minh số 24.4 về Giao dịch với các bên liên quan và số dư với các bên liên quan (đính kèm).
- ✓ Bổ sung thuyết minh số 24.5 về Thông tin về báo cáo theo bộ phận (đính kèm).

Văn bản điều chỉnh này được đính kèm với Báo cáo kiểm toán số 061/2013/BCKT/TC ngày 09 tháng 7 năm 2013 về BCTC năm 2012 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh.

Các nội dung khác không thay đổi.

Trân trọng kính chào,



Nguyễn Quốc Hùng

Giám đốc

Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***24. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****24.3 Công cụ tài chính*****Chính sách kế toán******Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

***Nợ phải trả tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

***Các loại công cụ tài chính của Công ty***

|                                     | <b>Giá trị ghi sổ kế toán</b> |                        |                       |                 |
|-------------------------------------|-------------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------|
|                                     | <b>31/12/2012</b>             |                        | <b>01/01/2012</b>     |                 |
|                                     | <b>Giá gốc</b>                | <b>Dự phòng</b>        | <b>Giá gốc</b>        | <b>Dự phòng</b> |
| <b><i>Tài sản tài chính</i></b>     | <b>VND</b>                    | <b>VND</b>             | <b>VND</b>            | <b>VND</b>      |
| Tiền và các khoản tương đương tiền  | 37.977.167.799                |                        | 51.397.166.640        |                 |
| Phải thu khách hàng                 | 15.528.762.522                | (1.999.308.738)        | 20.844.567.186        | -               |
| Các khoản phải thu khác             | 3.367.435.246                 |                        | 3.252.960.752         |                 |
| Đầu tư ngắn hạn                     | 23.918.783.006                |                        | 7.847.533.245         |                 |
| <b>Cộng</b>                         | <b>80.792.148.573</b>         | <b>(1.999.308.738)</b> | <b>83.342.227.823</b> | <b>-</b>        |
| <b><i>Nợ phải trả tài chính</i></b> | <b>Giá trị ghi sổ kế toán</b> |                        |                       |                 |
|                                     | <b>31/12/2012</b>             |                        | <b>01/01/2012</b>     |                 |
|                                     | <b>VND</b>                    |                        | <b>VND</b>            |                 |
| Vay và nợ                           | -                             |                        | -                     |                 |
| Phải trả người bán                  | 5.994.306.821                 |                        | 7.337.292.645         |                 |
| Chi phí phải trả                    | 502.274.995                   |                        | 250.274.995           |                 |
| Các khoản phải trả khác             | 2.121.922.031                 |                        | 1.925.973.835         |                 |
| <b>Cộng</b>                         | <b>8.618.503.847</b>          |                        | <b>9.513.541.475</b>  |                 |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, không bao gồm các khoản trích lập dự phòng phải thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

**b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

*Quản lý rủi ro về tỷ giá*

Do có các giao dịch vay và nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

*Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

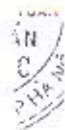
Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc một đối tác không đáp ứng được nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tính hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:





Dan Tong Giang doc cho rang Công ty nău như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

#### 24.4 Giao dịch với các bên liên quan và số dư với các bên liên quan.

##### *Chính sách kế toán*

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các công ty cùng thuộc tập đoàn, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan và số dư với các bên liên quan trọng yếu như sau:

| Các bên liên quan          | Mối quan hệ | Nội dung    | Năm 2012<br>VND |
|----------------------------|-------------|-------------|-----------------|
| Tập đoàn Hóa chất Việt Nam | Công ty Mẹ  | Sở hữu vốn  | 51%             |
| Tập đoàn Hóa chất Việt Nam | Công ty Mẹ  | Chia Cổ tức | 833.060.000     |

*Số dư cuối năm khoản công nợ với các bên liên quan như sau:*

Phải thu 0 đồng

Phải trả 0 đồng

#### 24.5 Thông tin về báo cáo theo bộ phận.

##### *Chính sách kế toán*

Báo cáo bộ phận được lập theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

Các bộ phận được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý của doanh nghiệp dùng để lập báo cáo cho bên ngoài phải là các đơn vị nằm trong cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp đó. Thông tin bộ phận do các đơn vị này lập để giúp Ban Tổng Giám đốc đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và đưa ra quyết định điều hành và quản lý trong tương lai của doanh nghiệp.

Một lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý cần được xác định là một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu phát sinh từ bán hàng ra ngoài đồng thời thoả mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tổng Doanh thu của bộ phận từ việc bán hàng ra ngoài và từ giao dịch với các bộ phận khác phải chiếm từ 10% trở lên trên tổng doanh thu của tất cả bộ phận, hoặc;
- b) Kết quả kinh doanh của bộ phận này bất kể lãi (hay lỗ) chiếm từ 10 % trở lên trên tổng lãi (hay lỗ) của tất cả các bộ phận có lãi (hoặc trên tổng lỗ của tất cả các bộ phận lỗ) nếu đại lượng nào có giá trị tuyệt đối lớn hơn, hoặc;
- c) Tài sản của bộ phận chiếm từ 10 % trở lên trên tổng tài sản của tất cả các bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Do đặc điểm hoạt động của Công ty chỉ có hoạt động sản xuất cho nhóm sản phẩm là Bao bì các loại, sơn tổng hợp và gia công theo đó không có sự khác biệt đáng kể về lĩnh vực kinh doanh, đồng thời Công ty hoạt động tại một bộ phận địa lý chính là thành phố Hồ Chí Minh nên không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế của các bộ phận theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty chưa trình bày báo cáo theo bộ phận.





Số : 310 /HCVS - KTTC/2014 TP.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 11 năm 2014  
V/v điều chỉnh Thuyết minh Báo cáo tài chính 9 tháng năm 2014

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Hóa Chất và Vi Sinh bổ sung các chỉ tiêu trong Thuyết minh Báo cáo tài chính 9 tháng năm 2014 như sau:

## CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### 1. Quản lý rủi ro vốn:

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

### 2. Các chính sách kế toán chủ yếu:

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số IV.

### 3. Các loại công cụ tài chính:

|                                          | Giá trị ghi sổ        |                       |
|------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                          | 30/09/2014            | 31/12/2013            |
| <b>Tài sản tài chính</b>                 | VND                   | VND                   |
| Tiền và các khoản tương đương tiền       | 15.366.680.342        | 26.431.130.362        |
| Phải thu của khách hàng và phải thu khác | 15.732.020.843        | 16.579.141.420        |
| Đầu tư ngắn hạn                          | 16.863.309.435        | 27.021.086.667        |
| Đầu tư dài hạn                           | -                     | -                     |
| Tài sản tài chính dài hạn                | -                     | -                     |
| <b>Tổng cộng</b>                         | <b>47.962.010.620</b> | <b>70.031.358.449</b> |
| <b>Công nợ tài chính</b>                 |                       |                       |
| Các khoản vay                            | -                     | -                     |
| Phải trả người bán và phải trả khác      | 7.985.127.030         | 7.457.434.173         |
| Chi phí phải trả                         | 77.999.999            | 77.999.999            |
| <b>Tổng cộng</b>                         | <b>8.063.127.029</b>  | <b>7.535.434.172</b>  |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết

minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

#### 4. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### 5. Quản lý rủi ro thị trường:

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá:* Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như:

|                | Công nợ    |            | Tài sản    |            |
|----------------|------------|------------|------------|------------|
|                | 30/09/2014 | 31/12/2013 | 30/09/2014 | 31/12/2013 |
|                | VND        | VND        | VND        | VND        |
| Đô la Mỹ (USD) | -          | -          | -          | -          |
| Euro (EUR)     | -          | -          | -          | -          |

*Quản lý rủi ro về giá:* Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa:* Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán nguyên liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### 6. Quản lý rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc một đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

#### 7. Quản lý rủi ro thanh khoản:

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo



đối thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản. Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

|                                     | Dưới 1 năm           | Trên 1 năm         | Tổng cộng            |
|-------------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| 30/09/2014                          | VND                  | VND                | VND                  |
| Các khoản vay                       | -                    | -                  | -                    |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 7.889.127.030        | 96.000.000         | 7.985.127.030        |
| Chi phí phải trả                    | 77.999.999           |                    | 77.999.999           |
| <b>Tổng cộng</b>                    | <b>7.967.127.029</b> | <b>96.000.000</b>  | <b>8.063.127.029</b> |
| <b>31/12/2013</b>                   |                      |                    |                      |
| Các khoản vay                       | -                    | -                  | -                    |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 7.271.434.173        | 186.000.000        | 7.457.434.173        |
| Chi phí phải trả                    | 77.999.999           |                    | 77.999.999           |
| <b>Tổng cộng</b>                    | <b>7.349.434.172</b> | <b>186.000.000</b> | <b>7.535.434.172</b> |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

|                                          | Dưới 1 năm            | Trên 1 năm | Tổng cộng             |
|------------------------------------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| 30/09/2014                               | VND                   | VND        | VND                   |
| Tiền và các khoản tương đương tiền       | 15.366.680.342        | -          | 15.366.680.342        |
| Phải thu của khách hàng và phải thu khác | 15.732.020.843        | -          | 15.732.020.843        |
| Đầu tư ngắn hạn                          | 16.863.309.435        |            | 16.863.309.435        |
| Đầu tư dài hạn                           | -                     | -          | -                     |
| Tài sản tài chính khác                   | -                     | -          | -                     |
| <b>Tổng cộng</b>                         | <b>47.962.010.620</b> | <b>-</b>   | <b>47.962.010.620</b> |
| <b>31/12/2013</b>                        |                       |            |                       |
| Tiền và các khoản tương đương tiền       | 26.431.130.362        | -          | 26.431.130.362        |
| Phải thu của khách hàng và phải thu khác | 16.579.141.420        | -          | 16.579.141.420        |
| Đầu tư ngắn hạn                          | 27.021.086.667        | -          | 27.021.086.667        |
| Đầu tư dài hạn                           | -                     | -          | -                     |
| Tài sản tài chính khác                   | -                     | -          | -                     |
| <b>Tổng cộng</b>                         | <b>70.031.358.449</b> | <b>-</b>   | <b>70.031.358.449</b> |



## THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

| a) Các bên liên quan                                                                                 | Mối quan hệ | Sở hữu vốn                 |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------|
| Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem)                                                                | Công ty mẹ  | 51,00%                     |
| b) Trong năm Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:                                 |             |                            |
| Bên liên quan                                                                                        | Giao dịch   | Giá trị giao dịch<br>(VND) |
| Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem)                                                                | Chia cổ tức | -                          |
| c) Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau: |             |                            |
| - Phải thu                                                                                           |             | -                          |
| - Phải trả                                                                                           |             | -                          |

## BÁO CÁO BỘ PHẬN

### *Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh*

Hiện tại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào một nhóm sản phẩm bao bì, sơn tổng hợp và gia công (kết thúc 31/07/2014), không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

### *Báo cáo theo khu vực địa lý*

Sản phẩm của Công ty chủ yếu tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

 **TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**Đặng Hồng Hải**



TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2013

## GIẤY ỦY QUYỀN

Số: 04-2013/GVQ-HSC

### 1. BÊN ỦY QUYỀN

Họ và tên : JOHAN NYVENE  
CMND số : 461756487 do Bộ ngoại giao Mỹ cấp ngày 18/8/2009  
Chức vụ : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

### 2. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Họ và tên : BẠCH QUỐC VINH  
CMND số : 011926122 do CA. TP. Hà Nội cấp ngày 01/08/2007  
Chức vụ : Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

### 3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Bên được ủy quyền được quyền thay mặt, đại diện Bên ủy quyền xem xét chất lượng và ký các loại chứng từ, hợp đồng, báo cáo, văn bản khác có liên quan đến hoạt động của Chi nhánh Hà Nội (sau đây gọi tắt là Chi nhánh). Cụ thể như sau:

#### 1. Văn bản liên quan đến hoạt động Môi giới, Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp, giao dịch chứng khoán

- Ký các chứng từ, văn bản, hợp đồng, giấy tờ liên quan đến hoạt động Môi giới tại Chi nhánh.
- Ký các chứng từ, văn bản, hợp đồng, giấy tờ liên quan đến hoạt động Giao dịch ký quỹ tại Chi nhánh.
- Ký các thư báo giá, biên bản, thỏa thuận hợp tác, hợp đồng, giấy tờ khác liên quan đến hoạt động Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp, hoạt động giao dịch Trái phiếu phát sinh tại Chi nhánh.
- Ký các loại Hợp đồng và các giấy tờ tài liệu khác có liên quan đến việc mua bán chứng khoán chưa niêm yết phát sinh tại Chi nhánh.

#### 2. Văn bản liên quan đến Nhân sự

- Ký các hợp đồng khác ngoài Hợp đồng lao động liên quan đến quan hệ pháp luật lao động (Hợp đồng học việc, Hợp đồng cộng tác viên, Hợp đồng đào tạo...), và ký thanh lý cho các loại hợp đồng này.
- Xác nhận tình trạng của cán bộ, nhân viên HSC đang làm việc tại Công ty khi có yêu cầu.
- Xác nhận mức lương và thời hạn Hợp đồng lao động của cán bộ, nhân viên tại Công ty.
- Ký hồ sơ Bảo hiểm xã hội của cán bộ, nhân viên HSC theo định kỳ và các văn bản khác liên quan gửi các cơ quan có thẩm quyền nếu có yêu cầu.
- Ký hồ sơ, báo cáo lao động gửi các cơ quan quản lý lao động theo quy định.
- Xử lý kỷ luật lao động theo hình thức khiển trách, bao gồm việc ký Quyết định xử lý vi phạm kỷ luật lao động.

#### 3. Văn bản liên quan đến Hành chánh

- Ký thanh lý Hợp đồng thuê văn phòng.
- Ký hợp đồng mua sắm, lắp đặt, sửa chữa tài sản, trang thiết bị văn phòng tại Chi nhánh.



#### 4. Các hoạt động khác

- Sử dụng con dấu của Chi nhánh trên các hợp đồng, văn bản, giấy tờ đã ký trong phạm vi được ủy quyền.
- Được đứng tên làm chủ tài khoản tại ngân hàng chỉ định thanh toán và các ngân hàng thương mại có liên quan tại Chi nhánh.

Khi thực hiện những công việc trong phạm vi được ủy quyền, Bên được ủy quyền phải tuân thủ các Quy trình, Quy định trong nội bộ Công ty.

Bằng các xét đoán nghề nghiệp, nếu xét thấy việc Bên ủy quyền các loại giấy tờ, hợp đồng, văn bản giao dịch đã được ủy quyền nêu trên sẽ có lợi hơn cho hoạt động của Công ty thì Bên được ủy quyền có trách nhiệm thông báo cho Bên ủy quyền biết để ký. Trong trường hợp này, Bên được ủy quyền vẫn có trách nhiệm xem xét nội dung để đảm bảo đầy đủ tính pháp lý của văn bản ký kết.

#### 4. THỜI HẠN ỦY QUYỀN

Giấy Ủy quyền này thay thế Giấy Ủy quyền số 09/2009/GUQ-HSC-BGD ngày 1/4/2009 và Giấy Ủy quyền số 03-2013/GUQ-HSC ngày 18/1/2013, có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi có thông báo mới bằng văn bản.

Bên được ủy quyền không được ủy quyền lại cho Bên thứ ba nếu không được Bên ủy quyền chấp thuận.



BẠCH QUỐC VINH



JOHAN NYVENE

Chứng thực bản sao đúng với bản chính.  
5402  
Chứng thực ..... Quyền số: 03/BS

Ngày 14 tháng 8 năm 2014  
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Sơn Hà





## GIẤY ỦY QUYỀN

Số: 69/2009/GHQ-HSC-BGD

### 1. NGƯỜI ỦY QUYỀN

Họ và tên : JOHAN NYVENE  
Số hộ chiếu : Z8022889 do Tổng lãnh sự quán Hoa Kỳ cấp tại TP.HCM ngày 24/01/2000  
Chức vụ : Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

### 2. NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Họ và tên : BẠCH QUỐC VINH  
CMND số : 011926122 do Công an TP.Hà Nội cấp ngày 01/08/2007.  
Chức vụ : Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

### 3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

Người được ủy quyền được quyền nhân danh người ủy quyền xem xét chất lượng và ký các loại chứng từ, văn bản, hợp đồng, giấy tờ khác có liên quan đến hoạt động của Chi nhánh Hà Nội (Sau đây gọi tắt là Chi nhánh). Cụ thể như sau :

1. Ký các chứng từ, văn bản, hợp đồng, giấy tờ có liên quan đến hoạt động môi giới tại chi nhánh.
2. Được đứng tên làm chủ tài khoản tại ngân hàng chỉ định thanh toán và các ngân hàng thương mại có liên quan tại chi nhánh.
3. Ký các thư báo giá, biên bản, thỏa thuận hợp tác, giấy tờ khác liên quan đến hoạt động tư vấn doanh nghiệp, hoạt động giao dịch trái phiếu phát sinh tại chi nhánh.
4. Ký các hợp đồng liên quan đến hoạt động tư vấn doanh nghiệp, hợp đồng giao dịch trái phiếu phát sinh tại chi nhánh.
5. Sử dụng con dấu của Chi nhánh trên các hợp đồng, văn bản, giấy tờ đã ký trong phạm vi được ủy quyền.

Khi thực hiện những công việc trong phạm vi được ủy quyền, người được ủy quyền phải tuân thủ các Quy trình quản lý trong nội bộ công ty.

### 4. THỜI HẠN ỦY QUYỀN:

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các giấy giấy ủy quyền trước đây cho đến khi có thông báo mới bằng văn bản.

Bên được ủy quyền không được ủy quyền lại cho Bên thứ ba nếu không được Bên ủy quyền chấp thuận.



Giám đốc chi nhánh  
Bach Quốc Vinh

Chứng thực bản sao đồng với bản chính.

Chứng thực ... 5401 ... Quyền số ... SCT/BS

Ngày 14 ... tháng 8 ... năm 2014



PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Sơn Hải